

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Triệu Thị Mới

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-DS ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn B Đ, xã B S, huyện L N, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn K S, xã H Nh, huyện V B, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Đỗ Bá T - sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1972;

Trú tại: Thôn T A, xã L H, huyện V B, Hải Phòng đều có mặt.

2. Vợ chồng chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1987, anh Phạm Huy S - sinh năm 1981, chị H ủy quyền cho anh S, anh S có mặt.

Trú tại: Thôn H T, xã V Q, huyện V B, Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M ngày 03/7/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2015 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Nhất B, sinh ngày 23/10/2013. Khi ly hôn chị đồng ý để anh M được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhất B. Chị xin cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn M xác nhận chị H trình bày về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến nay anh không còn yêu thương chị H nữa. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2015. Từ khi ly thân vợ chồng có gặp nhau 1 đến 2 lần để giải quyết mâu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa giải quyết xong nợ chung.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn M xác nhận chị H trình bày về con là đúng. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhất B, anh yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh M trình bày: Khoảng tháng 6/2014 vợ chồng có vay của vợ chồng ông Đỗ Bá T, bà Nguyễn Thị S số tiền 30.000.000đ để lo việc cho chị H. Anh là người ký giấy vay nợ, chị H là người nhận tiền. Khoảng tháng 6/2014 vợ chồng có vay của vợ chồng chị Nguyễn Thị H1, anh Phạm Huy S số tiền 15.000.000đ không có giấy vay nợ. Nay anh yêu cầu chị H phải trả cả hai số nợ này.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đỗ Bá T, bà Nguyễn Thị S trình bày tháng 6 năm 2014 vợ chồng có cho vợ chồng cháu Nguyễn Văn M, Dương Thị H vay số tiền 30.000.000đ, cháu M viết giấy vay còn cháu H là người nhận tiền. Nay yêu cầu vợ chồng anh M phải trả vợ chồng ông bà số tiền vay là 30.000.000đ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị Nguyễn Thị H1, anh Phạm Huy S trình bày khoảng tháng 6 năm 2014 vợ chồng anh có cho vợ chồng anh M, chị H vay số tiền 15.000.000đ không viết giấy vay nợ. Anh M là người nhận tiền. Nay yêu cầu vợ chồng anh M phải trả vợ chồng anh chị 15.000.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan chấp hành không nghiêm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Xử cho anh Nguyễn Văn M được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhất B, sinh ngày 23/10/2013, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Tài sản chung không có. Khoản nợ: Không có căn cứ chứng minh nợ vợ chồng ông T, vợ chồng chị H1 là nợ chung. Anh M phải chịu trách nhiệm trả nợ vợ chồng ông T và trả nợ vợ chồng chị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn Kê Sơn, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chấp hành không nghiêm, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tự ý bỏ về không ký biên bản. Chị Dương Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Dương Thị H. Chị Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho anh Phạm Huy S là hợp pháp được chấp nhận.

2. Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn M phát sinh từ ngày 03/7/2013, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, các đoàn thể ở địa phương hòa giải nhưng vợ chồng không trở về đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau từ tháng 02 năm 2015. Chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa giải quyết xong nợ chung. Qua xác minh tại địa phương thấy vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó có căn cứ xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhất B, sinh ngày 23/10/2013. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận anh M được nuôi dưỡng con chung. Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tòa xét thỏa thuận của hai bên là phù hợp với Điều 81,82 Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

4. Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có tài sản chung.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M trình bày tháng 6/2014 vợ chồng có vay của vợ chồng ông Đỗ Bá T, bà Nguyễn Thị S số tiền 30.000.000đ; Tháng 6 năm 2014 vợ chồng có vay của vợ chồng chị Nguyễn Thị H1, anh Phạm Huy S 15.000.000đ. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều là người thân của anh Nguyễn Văn M. Vợ chồng ông T, bà S khai có cho vợ chồng anh M vay 30.000.000đ, anh M viết giấy vay và ký, chị H nhận tiền. Vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Huy S khai có cho vợ chồng anh M vay 15.000.000đ không viết giấy vay, anh M là người nhận tiền. Chị Dương Thị H bác bỏ và trình bày vợ chồng không vay nợ của vợ chồng ông Tánh, bà Sỡ; vợ chồng chị Huyền, anh Sơn. Ngoài các lời khai của anh M, ông Tánh, bà Sỡ, anh Sơn, chị Huyền và giấy vay tiền một mình anh M ký ra không có chứng cứ nào chứng minh được chị H có tham gia vay hai khoản tiền trên nên hai khoản nợ trên anh Nguyễn Văn M phải chịu trách nhiệm trả.

6. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn là 300.000 đồng, án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ. Vợ chồng ông Đỗ Bá T, bà Nguyễn Thị S, vợ chồng anh Phạm Huy S, chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự. Anh Nguyễn Văn M phải trả nợ nên anh M phải chịu án phí dân sự là 2.250.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung xử: Anh Nguyễn Văn M được nuôi con chung Nguyễn Nhất B, sinh ngày 23/10/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Dương Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Về nợ: Xử buộc anh Nguyễn Văn M phải trả nợ vợ chồng ông Đỗ Bá T, bà Nguyễn Thị S 30.000.000đ; Anh Nguyễn Văn M phải trả nợ vợ chồng chị Nguyễn Thị H1, anh Phạm Huy S 15.000.000đ.

4. Án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Biên lai thu số 5268 ngày 16/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Chị H phải nộp tiếp 150.000đ án phí. Anh Nguyễn Văn M phải nộp 2.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh M đã nộp tạm ứng 1.125.000đ tại biên lai thu 5390 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Anh M phải nộp tiếp 1.125.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H và chị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Hưng Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Vinh